

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày: 21 - 3 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dề - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1962 (có mặt)

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện Th, tỉnh C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Công Dung - Luật sư Văn phòng luật sư Huỳnh Công Dung thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Hữu Lộc R, sinh năm 1963 (có mặt)

2. Bà Hữu Thị L, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện Th, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh Quang (vắng mặt) và ông Đặng Minh Hải (có mặt) – cùng là Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hải thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn Nh1 (vắng mặt)

2. Anh Lê Văn Nh2, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện Th, tỉnh C (có mặt)

3. Ngân hàng A(vắng mặt)

4. Ủy ban nhân dân huyện T(vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Hữu L R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Lê Thị Đ trình bày:*

Năm 1977 ông Lê Phú Nhuận là cha của ông H có nhận chuyển nhượng của ông Hữu Liêm là cha của ông Hữu L R một phần đất thổ cư kích thước 15m x 49m diện tích 735m² tại ấp Đường Đào, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với giá 25 gia lúa, việc chuyển nhượng chỉ bằng lời nói không lập thành văn bản. Ông Nhuận đã giao đủ 25 gia lúa cho ông Liêm, ông Liêm đã giao đất cho ông Nhuận, ông Nhuận giao lại cho ông H quản lý từ năm 1977 cho đến nay. Hiện ông H, bà Đ và các con là anh Nh1, anh Nh2 đang ở trên đất phần đất này.

Năm 2001 ông Liêm chết, ngày 04-12-2001 ông R, bà L viết giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông H phần đất nói trên. Khi viết giấy có sự chứng kiến của ông Hồ Văn Chinh, ông Lê Văn Xuyên, ông Trịnh Hòa Thành và Nguyễn Chí Cường (là Trưởng ban nhân dân ấp Đường Đào) xác nhận, phần đất có vị trí như sau: Mặt tiền giáp: Kinh Đường Đào, mặt hậu giáp: Đất ông Quách Hồng Bào, cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp phần đất bà Trịnh Thị Húng, cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp phần đất của ông R. Ông H xác định chữ ký, chữ viết trong giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 04-12-2001 là của ông R còn chữ “L và Hữu Thị L” là do ông R viết.

Năm 2007 Nhà nước làm công trình xây dựng đường dây điện 220KV Cà Mau – Bạc Liêu, vợ chồng ông H được bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu, cây trái (không thu hồi đất) số tiền 66.082.000 đồng.

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 08 tại ấp Đường Đào, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, ông H và bà Đ đã cất nhà ở kiên cố nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình quản lý đất ông H xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng khi cán bộ đến đo đạc thì ông R, bà L ngăn cản nên không làm được. Ông H, bà Đ yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông R, chấp nhận cho vợ chồng ông H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn ông Hữu Lộc R, bà Hữu Thị L trình bày:*

Trước năm 1975 ông Nhuận là cha của ông H không có đất ở nên có hỏi mượn cha của ông là ông Liêm một phần đất để ở và làm nghề chạy đò (phần đất tranh chấp hiện nay). Ông Liêm thống nhất cho gia đình ông Nhuận mượn đất ở đến suốt đời. Do ông Liêm hoàn cảnh gặp khó khăn nên ông Nhuận có cho ông Liêm mượn lúa nhiều lần khoảng 25 gia. Ông Liêm không có chuyển nhượng đất cho ông Nhuận. Ông Liêm chỉ có một người con là ông, khi lập gia đình ông R

sống chung với ông Liêm đến khi ông Liêm qua đời. Ông Liêm và vợ chồng ông chưa trả lúa cho ông Nhuận vì nghĩ là không đòi lại đất thì không trả lúa.

Nhà ông với nhà ông H cách nhau khoảng 20m, trước đây ông với ông H rất thân. Ngày 04-12-2001 ông có qua nhà ông H uống rượu cùng với ông H, ông Chinh, ông Thành, ông Xuyên và ông Cường (là Trưởng ban nhân dân ấp Đường Đào). Tại đây, ông có tự ghi giấy sang nhượng đất thổ cư cho ông H và bà Đ (là phần đất tranh chấp hiện nay). Chữ ký và chữ viết Hữu L R “*bên cạnh dòng chữ Bên sang nhượng chủ hộ*” là của ông còn chữ “L và chữ Hữu Thị L” là do ông tự ghi vì lúc làm giấy không có mặt vợ ông. Sau khi ông ký xong thì có ông Chinh, ông Xuyên, ông Thành và ông Cường ký chứng kiến và xác nhận vào tờ chuyển nhượng đất nêu trên.

Đối với việc nhà nước bồi thường do đường điện đi qua đối tượng được bồi thường là những người quản lý đất. Khi đến Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ nhận tiền thì cán bộ ở đây có hỏi phần đất ông H ở là của ai ông nói là của ông nên cán bộ xã có yêu cầu ông ký tên để cho ông H nhận tiền bồi thường.

Do sau khi chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H ông vẫn còn đóng thuế và giá trị chuyển nhượng thấp nếu ông H chấp nhận giao hết số tiền nhà nước bồi thường đường điện cho ông thì ông chấp nhận chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà Đ, nếu không thì ông không chấp nhận chuyển tên quyền sử dụng đất.

- Anh Lê Văn Nh1, Lê Văn Nh2 trình bày: Các anh thống nhất với lời trình bày của cha mẹ anh là ông H và bà Đ, các anh không có ý kiến khác.

- Đại diện ngân hàng A trình bày:

Ngày 14/8/2018 Ngân hàng có cho ông Hữu L R vay số tiền 91.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/8/2020, mục đích vay nuôi tôm, trồng lúa, nuôi cá. Số tiền lãi tính đến ngày 15/9/2018 là 822.740 đồng, tổng vốn và lãi là 91.822.740 đồng. Ngân hàng có ý kiến diện tích đất tranh chấp là 537.5m² nếu tách ra thì phần đất còn lại vẫn đảm bảo đủ nghĩa vụ cho món vay của ông R, hợp đồng vay của ông R và Ngân hàng A chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu, trường hợp ông R không thanh toán nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện tại vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Văn H, bà Lê Thị Đ đối với ông Hữu L R, bà Hữu Thị L. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Đ và ông R, bà L ngày 14-12-2001, giao cho ông H, bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có vị trí, kích thước và diện tích như sau:

Mặt tiền giáp lộ bê tông mốc M2, M3 dài 15m; mặt hậu giáp với phần đất của ông Quách Hồng Bào mốc M1, M4 dài 15m; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền*) mốc M1, M2 giáp với phần đất của bà Trịnh Thị Húng, ông Trịnh Văn Mí dài 38m; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền*) mốc M4, M3 giáp với phần đất của ông R dài 38m. Diện tích thực tế là 537.5m², ông H, bà Đ được liên hệ với cơ quan có thẩm

quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận phân diện tích này theo quy định của pháp luật.

Buộc ông R, bà L hoàn lại cho ông H, bà Đ chi phí tố tụng số tiền 2.151.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, ông Hữu Lộc R có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông R tranh luận: Phần đất chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà L không ký tên giấy chuyển nhượng, giấy chuyển nhượng không được công chứng chứng thực, khi làm giấy chuyển nhượng ông R không minh mẫn, nên đề nghị tuyên hợp đồng chuyển nhượng là vô hiệu. Nếu không tuyên vô hiệu thì sửa án sơ thẩm buộc ông H bà Đ trả cho ông R bà L giá trị đất tương đương giá trị ông H nhận bồi thường.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H bà Đ tranh luận: Giao dịch được thực hiện do các bên tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, có đủ năng lực hành vi dân sự, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Hữu Lộc R yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Lê Thị Đ với lý do: Ông R cho rằng chỉ cho ông H và bà Đ mượn đất, việc mượn đất có nhiều người biết. Sở dĩ ông R có ký giấy sang nhượng đất cho ông H là do lúc ký giấy ông R không được minh mẫn, không tỉnh táo do say rượu, bị ông H dụ dỗ, bà Hữu Thị L không ký giấy sang nhượng, giấy sang nhượng đất cũng không được chứng thực nên không hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất các bên tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 537,5m² tọa lạc tại ấp Đường Đào, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau thuộc một phần của thửa đất số 474, tờ bản đồ số 08 do ông R đứng tên giấy chứng nhận năm 1994. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì phần đất trên hiện do ông H và bà Đ trực tiếp quản lý đất. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ông R. Năm 1977, cha ông H quản lý phần đất này, sau đó giao lại cho ông H bà Đ quản lý đến nay. Theo ông R xác định, việc cha ông H và ông H quản lý đất là do cha ông R cho

mượn để ở đến suốt đời cha ông H. Việc ông H cùng cha ông H, bà Đ mượn đất ở có nhiều người biết. Chứng minh cho lời trình bày này ông R có cung cấp các văn bản xác nhận của ông Trịnh Văn Xuyên, Quách Hồng Bào, Trịnh Thị Hún. Tuy nhiên ông H không thừa nhận mượn đất mà khẳng định đây là đất chuyển nhượng, sau khi chuyển nhượng cha ông R đã nhận đủ 25 gia lúa đồng thời có cung cấp các văn bản xác nhận của ông Trịnh Văn Mí, Hồ Văn Chinh, Hồ Thị Quy, Hồ Thành Trung, Hữu Cường, Ngô Văn Phong. Ngoài lời trình bày của ông R cũng như các văn bản xác nhận của ông Xuyên, ông Bào, bà Hún về việc ông R có cho ông H và bà Đ mượn đất, thì ông R không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh việc có cho ông H và bà Đ mượn đất. Hơn nữa ông H, bà Đ còn cung cấp thêm giấy “sang nhượng đất thổ cư” lập ngày 04/12/2001, theo nội dung giấy sang nhượng thể hiện ông R và bà L chuyển nhượng đất cho ông H và bà Đ. Từ căn cứ trên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông R về việc cho ông H mượn đất như ông R và luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông R trình bày. Mà có cơ sở kết luận phần đất tranh chấp trên được các bên chuyển nhượng theo như lời trình bày của ông H và bà Đ.

[3] Việc ông R cho rằng tại thời điểm ký giấy sang nhượng đất ngày 04/12/2001 cho ông H và bà Đ, thì ông R bị ông H ép uống rượu say, viết trong lúc tinh thần không minh mẫn, tỉnh táo. Xét lời trình bày này của ông R là không có cơ sở, bởi lẽ nếu có trường hợp ông H ép ông R ký giấy chuyển nhượng đất thì ông H là người chuẩn bị nội dung, ông R chỉ có việc ký giấy sang nhượng. Nhưng ngược lại trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông R đều thừa nhận giấy sang nhượng này do chính ông R là người viết, theo đó nội dung giấy sang nhượng thể hiện rõ tư cận tiếp giáp của phần đất sang nhượng, cũng như về giá trị sang nhượng. Mặc khác tại thời điểm ông R viết giấy sang nhượng này cũng có sự chứng kiến và ký xác nhận của các ông Hồ Văn Chinh, ông Trịnh Hòa Thành, ông Lê Văn Xuyên và Trưởng ban nhân dân ấp Đường Đào ông Nguyễn Chí Cường. Do đó việc ông R cho rằng khi viết giấy sang nhượng, ông R bị ông H ép uống rượu say, viết trong lúc tinh thần không minh mẫn, không tỉnh táo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ông R thừa nhận giấy “sang nhượng đất thổ cư” lập ngày 04/12/2001 là do ông R viết và ký tên mình. Đối với chữ viết tên “L và chữ Hữu Thị L” là do ông R tự ghi, vì khi làm giấy không có mặt bà L, mặc khác giấy sang nhượng đất không được chứng thực nên không hợp pháp. Nên ông R và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông R đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Đ và tuyên hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 04/12/2001 vô hiệu. Xét lời trình bày này của ông R, cũng như quan điểm bảo vệ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông R tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm ông R lập giấy chuyển nhượng đất cho ông H và bà Đ thì phần đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông R đứng tên vào năm 1994. Thời điểm chuyển nhượng phần đất này không tranh chấp với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 2, 3 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993 thì ông R có quyền chuyển nhượng phần đất này theo quy định. Thực tế việc chuyển nhượng năm 2001 giữa các bên được lập thành văn bản, có xác nhận của Trưởng ban nhân

dân ấp Đường Đào, tuy qua giám định chữ viết và chữ ký bà L tại giấy sang nhượng không xác định được là do bà L ký và viết ra, cũng như việc bà L không thừa nhận chữ ký là của bà L tại giấy chuyển nhượng đất này, nhưng xét thấy trên thực tế ông R và bà L thừa nhận đã nhận đủ 25 gia lúa theo giá trị chuyển nhượng, ngược lại ông H và bà Đ đã nhận đất quản lý thời gian dài từ năm 1977. Sau khi nhận đất ông H, bà Đ đã cải tạo, đầu tư, xây dựng nhà kiên cố, nhận tiền bồi thường do nhà nước thi công công trình đường dây 220kV Cà Mau – Bạc Liêu đi qua đất nhưng ông R và bà L sinh sống trên phần đất liền kề không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì về việc này, điều đó chứng tỏ rằng bà L biết rõ phần đất trên đã chuyển nhượng cho ông H và bà Đ. Tuy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên lập vào ngày 04/12/2001 chưa được thực hiện theo mẫu, chưa được công chứng, chứng thực theo quy định, nhưng việc chuyển nhượng đất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993, Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 04/2016/AL năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao nên xét thấy cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và bà Đ với ông R và bà L là có căn cứ.

[5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông R đã thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, Ngân hàng xác định nếu tách diện tích đất tranh chấp thì tài sản còn lại vẫn bảo đảm cho hợp đồng vay của ông R, Ngân hàng không yêu cầu ông R tắt toán nợ vay nên cấp sơ thẩm không giải quyết, vì vậy cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà Đ, nên cấp sơ thẩm buộc ông R và bà L phải chịu chi phí độ đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, ông H và bà Đ đã dự nộp nên ông R và bà L có nghĩa vụ hoàn lại.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H và bà L cũng như quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông R tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông R nên ông R phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hữu Lộc R

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Văn H và bà Lê Thị Đ đối với ông Hữu Lộc R và bà Hữu Thị L.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà Đ với ông R, bà L lập ngày 14-12-2001. Giao cho ông H và bà Đ tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 537,5m² tọa lạc tại ấp Đường Đào, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Đất có vị trí, kích thước cụ thể như sau:

- + Mặt tiền giáp lộ bê tông mốc M2, M3 dài 15m;
- + Mặt hậu giáp với phần đất của ông Quách Hồng Bào mốc M1, M4 dài 15m;
- + Cạnh bên phải (nhìn từ mặt tiền) mốc M1, M2 giáp với phần đất của bà Trịnh Thị Hùng, ông Trịnh Văn Mí dài 38m;
- + Cạnh bên trái (nhìn từ mặt tiền) mốc M4, M3 giáp với phần đất của ông R dài 38m.

(Có kèm theo mảnh trích đo địa chính số 79-2017 ngày 14/7/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình)

Ông H và bà Đ được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này theo quy định của pháp luật.

Buộc ông R và bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông H và bà Đ 2.151.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi một nghìn đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày ông H và bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông R, bà L chậm trả số tiền trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngân hàng Akhông yêu cầu ông R thanh toán nợ vay nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông R, bà L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông H, bà Đ không phải chịu án phí, ngày 16-12-2016 ông H, bà Đ nộp tạm ứng án phí số tiền là 367.500 đồng (ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018270 được nhận lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông Hữu Lộc R phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/11/2018 ông R đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005786 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lập - Nguyễn Thị Hiền

Phạm Việt Trung